

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 63/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

2. Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 313 Lô A6 chung cư A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2015 quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi làm cho tình cảm vợ chồng dần mai một, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 có 01 con chung là cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/02/2017. Bà H và ông H1 thỏa thuận giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Thanh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2015 quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2015 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Huy H, sinh ngày 16/02/2017. Ông Trần Thanh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên giao nhận trực tiếp vào ngày 30 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện ngay khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027366 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 25/02/2020. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí. Ông Trần Thanh H1 không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Ngọc Phú